

Số báo danh:

Mã đề: 0919

Họ, tên thí sinh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Các cây trồng nào sau đây ở nước ta là cây công nghiệp hàng năm?

- A. Chè, cà phê. B. Lạc, hồ tiêu. C. Mía, đậu tương. D. Điều, bông.

Câu 2: Vị trí địa lí của Đồng bằng sông Cửu Long

- A. tiếp giáp với Cam-pu-chia. B. giáp Trung Quốc ở phía tây.
C. giáp vịnh Bắc Bộ ở phía nam. D. tiếp giáp với Bắc Trung Bộ.

Câu 3: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta biểu hiện qua đặc điểm nào sau đây?

- A. Chế độ nước sông thay đổi theo mùa.
B. Độ dốc lòng sông ở vùng đồi núi lớn.
C. Diện tích lưu vực các sông khác nhau.
D. Sông ngòi hướng tây bắc – đông nam.

Câu 4: Khai thác thủy sản ở nước ta hiện nay

- A. sản lượng lớn hơn nuôi trồng. B. đang đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.
C. chỉ tập trung ở các sông lớn. D. chưa cải tiến về phương tiện.

Câu 5: Giao thông vận tải đường hàng không ở nước ta hiện nay

- A. chỉ sử dụng nhiên liệu sinh học. B. chưa có tuyến bay quốc tế.
C. phát triển với tốc độ nhanh. D. chủ yếu vận chuyển hàng hóa.

Câu 6: Nguồn lao động của nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phân bố đồng đều giữa các vùng.
B. Ít kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
C. Có khả năng hội nhập với quốc tế.
D. Phần lớn lao động có trình độ cao.

Câu 7: Vùng biển của nước ta

- A. giáp với vùng biển Mi-an-ma. B. có diện tích nhỏ hơn vùng đất.
C. ở phía tây Thái Bình Dương. D. có kiểu khí hậu ôn đới gió mùa.

Câu 8: Nhà máy điện nào sau đây có ở Tây Nguyên hiện nay?

- A. Trị An. B. Hòa Bình. C. Cà Mau 1. D. Sê San 3.

Câu 9: Phân bố dân cư ở nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mật độ dân số khác nhau giữa các vùng.
B. Tỷ lệ dân nông thôn có xu hướng tăng.
C. Tỷ lệ dân thành thị cao hơn nông thôn.
D. Dân cư sinh sống chủ yếu ở vùng núi.

Câu 10: Dịch vụ kinh doanh ngày càng phát triển ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

- A. có dân số đông, thu hút nhiều vốn đầu tư, chất lượng cuộc sống nâng cao.
B. kinh tế phát triển, hoạt động sản xuất đa dạng, mức sống người dân tăng.
C. trình độ lao động cao, mạng lưới đô thị dày đặc, giao thông rất thuận lợi.
D. nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển, cơ sở hạ tầng tốt, dân số tăng nhanh.

Câu 11: Loại thiên tai nào sau đây thường xảy ra vào mùa mưa ở nước ta?

- A. Sương muối. B. Động đất. C. Ngập lụt. D. Rét hại.

Câu 12: Đặc điểm tự nhiên chủ yếu nào sau đây làm cho miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có cơ cấu cây trồng đa dạng?

- A. Có nhiều dạng địa hình, tỉ lệ đất feralit lớn, nguồn nước phong phú.
B. Khí hậu phân hoá, nhiều kiểu địa hình, có các loại đất khác nhau.
C. Khí hậu có sự phân mùa, nguồn nước dồi dào, địa hình nhiều đồi núi.
D. Sinh vật giàu thành phần loài, địa hình phân bậc, có mùa đông lạnh.

Câu 13: Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay có thế mạnh để

- A. chuyên canh cây lúa. B. trồng rau ôn đới.
C. khai thác than đá. D. khai thác thủy sản.

Câu 14: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Trữ lượng than đá lớn nhất nước ta. B. Đứng đầu cả nước về diện tích lúa.
C. Cơ cấu ngành dịch vụ chưa đa dạng. D. Nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo.

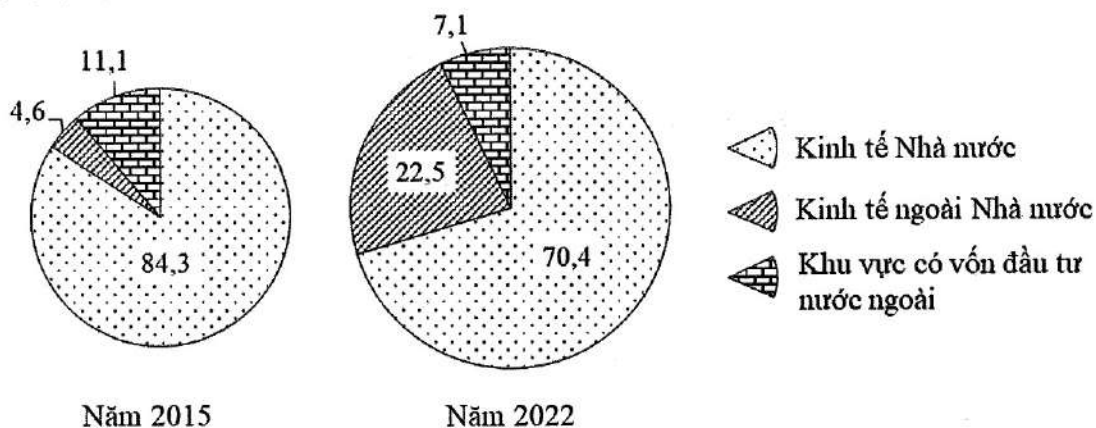
Câu 15: Đông Nam Bộ có điều kiện thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây hồ tiêu?

- A. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất badan màu mỡ.
B. Địa hình bán bình nguyên, nền nhiệt độ cao quanh năm.
C. Tài nguyên đất đa dạng, nguồn nước ngầm phong phú.
D. Khí hậu có sự phân hóa, nhiều kiểu địa hình khác nhau.

Câu 16: Dịch vụ nào sau đây thuộc ngành bưu chính ở nước ta hiện nay?

- A. Truyền số liệu. B. Kết nối internet.
C. Chuyển phát nhanh. D. Truyền hình.

Câu 17: Cho biểu đồ sau:



Cơ cấu sản lượng điện phát ra phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2015 và năm 2022 (Đơn vị: %)

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, 2023; Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước luôn cao hơn tỉ trọng kinh tế Nhà nước.
B. Tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn cao nhất.
C. Năm 2022 so với năm 2015, tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 4%.
D. Năm 2022 so với năm 2015, tỉ trọng kinh tế Nhà nước tăng và tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước giảm.

Câu 18: Cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

- A. đẩy mạnh hình thành các khu công nghiệp.
B. tăng tỉ trọng các ngành công nghệ cao.
C. ưu tiên ngành sử dụng nhiều tài nguyên.
D. giảm tỉ trọng nhóm ngành chế biến, chế tạo.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Công nghiệp sản xuất giày, dép của nước ta phát triển dựa trên các thế mạnh về lao động, thị trường, chính sách,... Hiện nay, ngành có sản phẩm đa dạng, chú trọng nâng cao chất lượng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Xu hướng phát triển của ngành là áp dụng các thành tựu về khoa học – công nghệ, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.

a) Hiện nay, công nghiệp sản xuất giày, dép ở nước ta chủ yếu tập trung sản xuất các sản phẩm cao cấp phục vụ thị trường nội địa.

b) Nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp sản xuất giày, dép.

c) Chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp sản xuất giày, dép ở nước ta đang được cải thiện do áp dụng công nghệ mới và tự động hóa trong sản xuất.

d) Việc sử dụng nguồn nguyên, phụ liệu trong nước của ngành công nghiệp sản xuất giày, dép ở nước ta làm giảm hiệu quả khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Đất của nước ta đa dạng và có sự phân hóa. Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng ở nước ta. Đất feralit chiếm diện tích lớn nhất ở vùng đồi núi thấp. Ngoài ra, theo độ cao địa hình đất feralit có mùn xuất hiện ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi. Nhóm đất feralit dễ bị suy thoái, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

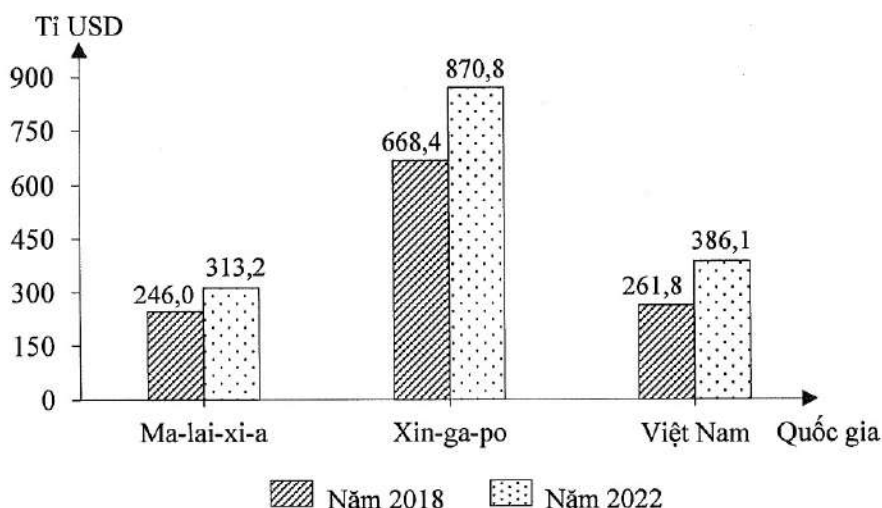
a) Đất feralit ở nước ta dễ bị suy thoái chủ yếu do sự phân bậc của địa hình nên cần đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ trên các vùng đất dốc.

b) Đất feralit có mùn xuất hiện ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi của nước ta là do càng lên cao tốc độ phân hủy chất hữu cơ trong đất diễn ra càng nhanh.

c) Đất feralit ở nước ta thường chua và có màu đỏ vàng.

d) Nhóm đất feralit có diện tích lớn nhất ở vùng đồi núi thấp của nước ta chủ yếu do đặc điểm khí hậu và địa hình quy định.

Câu 3: Cho biểu đồ sau:



Trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2018 và năm 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê)

a) Năm 2022 so với năm 2018, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của cả ba quốc gia đều tăng.

b) Năm 2022, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Ma-lai-xi-a cao nhất.

c) Năm 2022 so với năm 2018, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam tăng nhiều nhất.

d) Năm 2022 so với năm 2018, trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Xin-ga-po tăng nhanh hơn Việt Nam.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ giáp với hai quốc gia là Trung Quốc và Lào; giáp các vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Vùng có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp. Phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới theo hướng sản xuất hàng hóa là một trong những thế mạnh của vùng.

a) Trung du và miền núi Bắc Bộ có vị trí quan trọng về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng của nước ta.

b) Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây chè của nước ta hiện nay chủ yếu do khí hậu nhiệt đới và đất phù sa màu mỡ.

c) Mục đích chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là để thay thế cây lương thực và phủ xanh đất trống đồi núi trọc.

d) Giải pháp để phát triển cây công nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa của vùng là thu hút vốn đầu tư, hình thành chuỗi liên kết trong sản xuất gắn với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Năm 2022, tổng số lao động có việc làm của nước ta là 50,6 triệu người. Trong đó, số lao động có việc làm trong khu vực công nghiệp – xây dựng là 16,9 triệu người. Hãy cho biết năm 2022, tỉ lệ lao động có việc làm của khu vực công nghiệp – xây dựng trong tổng số lao động có việc làm của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2022 tại trạm quan trắc Đà Lạt

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	16,5	17,5	18,6	18,5	19,6	19,7	19,6	19,2	19,1	18,6	18,0	16,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình của năm 2022 tại trạm quan trắc Đà Lạt là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Diện tích cao su cho sản phẩm, sản lượng cao su (mủ khô) của nước ta năm 2015 và năm 2022

Tiêu chí	Năm	
	2015	2022
Diện tích (nghìn ha)	604,3	727,5
Sản lượng cao su (mủ khô) (nghìn tấn)	1 013,3	1 338,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021, 2023; Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất cao su (mủ khô) của nước ta năm 2022 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2022 tại trạm quan trắc Quy Nhơn và trạm quan trắc Cà Mau

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Quy Nhơn	91,4	48,2	156,6	87,0	123,2	13,2	49,5	64,8	509,7	577,4	421,0	328,2
Cà Mau	0,1	0,9	105,2	327,0	319,5	225,4	565,0	228,3	409,2	352,7	313,3	71,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, lượng mưa của tháng có lượng mưa lớn nhất tại trạm quan trắc Quy Nhơn cao hơn lượng mưa của tháng có lượng mưa lớn nhất tại trạm quan trắc Cà Mau là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2022, nước ta có tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép là 29,3 tỉ USD. Trong đó, Đồng bằng sông Hồng chiếm tỉ lệ là 38,6%. Hãy cho biết số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép của Đồng bằng sông Hồng năm 2022 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6: Năm 2022, vận tải đường bộ của nước ta có số lượt hành khách vận chuyển là 3 443,7 triệu lượt người; số lượt hành khách luân chuyển là 107 373,2 triệu lượt người.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển hành khách trung bình của đường bộ nước ta năm 2022 là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
Môn: Địa lí - Chương trình Giáo dục phổ thông 2018



Câu/Mã đề	0901	0902	0903	0904	0905	0906	0907	0908	0909	0910	0911	0912	0913	0914	0915	0916	0917	0918	0919	0920	0921	0922	0923	0924
1	D	B	A	B	B	C	C	C	A	C	D	B	B	C	B	D	C	A	C	B	A	B	A	A
2	B	B	A	D	C	B	D	C	A	C	D	B	B	D	B	A	D	D	A	C	B	B	C	B
3	B	C	B	B	A	A	D	D	C	C	D	A	B	A	C	C	C	C	A	A	C	A	A	D
4	C	D	D	A	A	D	B	D	C	B	D	B	D	D	B	A	D	D	B	D	A	D	A	A
5	A	A	C	C	B	B	A	C	C	C	D	B	B	C	A	B	C	C	C	C	D	D	B	A
6	A	C	D	A	C	B	C	A	C	D	C	C	B	A	B	A	D	C	C	C	B	A	B	A
7	B	C	A	C	A	C	D	C	D	A	D	D	B	C	A	A	D	D	C	D	D	B	C	B
8	A	A	C	B	D	A	C	D	A	A	A	D	B	A	C	D	A	C	D	C	C	A	A	D
9	C	D	C	D	B	D	C	B	C	B	C	A	C	A	B	C	D	C	A	D	D	C	B	B
10	D	B	D	B	A	C	C	A	A	C	A	A	D	B	C	C	C	D	B	D	B	D	B	B
11	A	A	D	C	D	C	A	A	C	A	D	B	D	D	B	A	B	C	C	C	B	A	D	B
12	A	A	A	D	D	A	C	D	C	C	B	A	B	B	D	A	D	B	B	C	A	D	C	B
13	A	C	A	D	C	A	C	D	D	D	B	A	D	C	B	A	B	A	D	C	B	B	A	A
14	D	A	B	B	D	A	C	B	D	D	A	A	C	B	B	C	A	D	A	D	C	D	B	A
15	C	B	A	D	C	B	B	A	A	C	D	B	C	A	C	D	D	B	A	C	C	D	C	D
16	A	C	A	C	A	A	D	A	C	C	A	C	D	B	B	D	C	C	C	D	C	A	D	B
17	A	C	B	B	C	D	B	A	A	A	B	C	D	B	B	C	B	A	A	C	D	A	C	D
18	A	B	D	A	D	B	D	B	C	D	A	C	B	B	D	B	A	A	B	C	A	C	B	A
19	S,D,D,S	S,S,S,D	S,D,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,S,S,D	D,D,S,S	S,S,S,D	S,S,S,D	D,D,S,S	S,D,D,S	D,S,S,D	S,D,D,S	S,D,D,S	S,S,D,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,D,S,S
20	D,S,S,D	S,D,S,D	S,S,D,D	S,D,S,D	D,D,S,S	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	D,S,S,S	D,D,S,S	D,D,S,S	D,D,S,S	D,S,D,S	S,S,S,D	D,D,S,S	S,S,S,D	S,D,S,D	S,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,D,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D
21	S,S,D,D	S,S,D,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,D,D,S	S,S,D,D	D,D,S,S	D,D,S,S	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	D,S,S,S	S,D,S,S	S,D,D,S	S,S,S,D	D,S,S,S	S,D,S,D	D,S,S,D	S,S,S,D	S,D,S,S	D,S,D,S
22	D,S,S,D	S,S,D,D	D,S,S,S	S,S,D,D	S,D,S,D	S,S,D,D	S,S,S,D	D,D,S,S	S,D,D,S	S,D,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,S,S,D	S,D,S,D	S,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	D,S,S,D	S,D,D,S	S,D,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,S,D,D
23	27,5	3,3	3,3	11,5	2,9	3,3	12,4	11,5	2,9	12,4	12,4	11,5	2,9	12,4	33,4	11,5	2,9	1,6	33,4	11,5	10,9	31,2	33,4	11,5
24	2,9	33,4	12,4	13,1	27,5	31,2	11,3	10,9	27,5	11,3	11,3	27,5	27,5	33,4	3,3	27,5	27,5	3,3	3,3	27,5	11,5	1,6	11,3	2,9
25	11,5	1,6	33,4	27,5	11,5	1,6	33,4	2,9	13,1	31,2	33,4	2,9	13,1	31,2	11,3	11,3	13,1	11,3	1,6	11,3	13,1	11,3	1,6	10,9
26	10,9	12,4	11,3	10,9	10,9	12,4	31,2	13,1	10,9	1,6	31,2	13,1	10,9	1,6	12,4	10,9	10,9	12,4	12,4	10,9	2,9	12,4	12,4	11,5
27	11,5	31,2	31,2	11,5	11,5	33,4	3,3	11,5	11,5	3,3	3,3	11,5	11,5	3,3	31,2	2,9	11,5	33,4	11,3	2,9	27,5	33,4	3,3	13,1
28	13,1	11,3	1,6	2,9	13,1	11,3	1,6	27,5	11,5	33,4	1,6	10,9	11,5	11,3	1,6	13,1	11,5	31,2	31,2	13,1	11,5	3,3	31,2	27,5

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
Môn: Địa lí - Chương trình Giáo dục phổ thông 2018



Câu/Mã đề	0925	0926	0927	0928	0929	0930	0931	0932	0933	0934	0935	0936	0937	0938	0939	0940	0941	0942	0943	0944	0945	0946	0947	0948
1	D	C	B	D	C	A	A	C	D	D	A	C	C	D	A	B	B	A	A	B	C	D	D	D
2	C	A	A	B	A	C	C	B	A	B	B	B	D	C	C	D	C	A	C	C	C	A	B	C
3	A	A	A	B	B	D	C	D	D	C	C	A	D	A	D	C	C	C	D	D	A	D	A	C
4	A	A	B	A	B	D	B	C	C	D	A	D	B	B	C	C	C	A	A	B	D	B	A	B
5	A	A	D	B	D	D	C	B	A	B	B	D	C	A	A	B	A	D	D	A	C	D	D	C
6	C	D	A	B	C	B	C	C	B	D	A	B	D	B	A	D	C	B	D	A	D	A	D	B
7	D	C	D	A	C	C	D	C	D	D	B	C	C	C	A	B	C	A	D	D	C	D	B	C
8	A	C	C	D	B	D	A	A	D	A	C	C	C	C	D	A	C	D	A	B	A	D	A	C
9	C	A	D	D	A	D	A	A	A	A	B	B	B	C	A	D	B	B	B	B	B	A	C	C
10	C	B	B	C	B	B	A	D	D	A	C	B	D	D	C	A	B	A	A	B	C	B	C	C
11	A	B	D	D	D	D	B	B	C	D	D	D	C	C	B	C	D	B	B	D	D	D	D	D
12	A	A	D	D	A	C	B	A	D	D	B	B	C	C	C	B	D	D	C	D	B	D	A	A
13	D	C	A	B	B	B	C	C	C	A	B	C	C	A	D	A	D	B	C	A	A	D	B	B
14	C	A	A	A	C	B	D	B	A	C	B	B	D	B	A	B	D	B	A	B	B	D	C	C
15	D	D	B	C	A	B	C	B	D	A	D	B	C	B	B	C	A	A	A	A	D	B	A	A
16	B	D	B	D	D	A	B	C	A	D	D	C	D	A	C	A	B	C	D	C	B	C	B	C
17	D	D	A	C	D	B	B	D	C	D	B	A	A	D	A	A	D	B	C	B	C	A	A	C
18	A	D	C	C	A	B	C	A	B	A	C	C	B	B	C	D	C	D	A	A	B	C	C	B
19	D,D,S,S	S,D,S,D	S,D,S,D	D,D,S,S	D,D,S,S	S,D,D,S	S,S,D,D	S,S,D,D	D,D,S,S	D,D,S,S	S,S,D,D	D,S,S,D	D,D,S,S	D,S,D,S	D,S,S,D	D,S,D,S	S,S,D,D	S,D,S,D	S,S,S,D	S,S,S,D	S,D,S,D	D,D,S,S	D,D,S,S	S,S,D,S
20	D,S,D,S	D,S,S,D	D,S,D,S	S,D,S,D	S,S,D,D	D,D,S,S	D,S,D,S	D,D,S,S	D,S,D,S	D,S,D,S	S,S,D,D	S,D,S,S	S,S,D,S	S,S,D,S	D,D,S,S	S,S,S,D	S,S,S,D	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,S,D,S	S,S,D,D	D,D,S,S	S,D,S,D
21	S,S,S,D	D,D,S,S	S,D,S,D	D,S,S,D	S,D,S,S	D,S,D,S	S,D,D,S	S,D,S,D	S,S,D,S	D,D,S,S	D,S,S,D	D,D,S,S	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	D,D,S,S	S,D,S,D	D,D,S,S	S,D,D,S	S,D,D,S	D,D,S,S	S,D,S,D	S,D,D,S
22	D,D,S,S	D,S,D,S	S,D,D,S	S,S,D,S	S,D,D,S	S,D,D,S	S,S,D,D	S,D,S,S	D,S,D,S	D,D,S,S	D,S,S,D	S,D,S,D	S,D,S,D	S,S,D,D	D,D,S,S	S,D,S,D	D,D,S,S	S,D,S,D	D,D,S,S	D,S,S,D	D,S,S,D	D,D,S,S	D,D,S,S	S,D,D,S
23	1,6	11,5	11,5	1,6	1,6	11,5	11,5	12,4	12,4	27,5	11,5	1,6	12,4	11,5	10,9	1,6	3,3	10,9	10,9	31,2	12,4	11,5	10,9	11,3
24	12,4	13,1	10,9	12,4	3,3	13,1	11,5	31,2	3,3	13,1	10,9	11,3	3,3	2,9	11,5	11,3	31,2	2,9	11,5	11,3	31,2	2,9	2,9	3,3
25	33,4	27,5	27,5	33,4	33,4	27,5	27,5	11,3	33,4	2,9	11,5	31,2	31,2	13,1	27,5	12,4	12,4	11,5	11,5	12,4	3,3	11,5	11,5	12,4
26	11,3	10,9	11,5	11,3	11,3	10,9	13,1	33,4	31,2	10,9	13,1	33,4	33,4	27,5	13,1	33,4	33,4	13,1	13,1	33,4	33,4	27,5	13,1	31,2
27	31,2	11,5	11,5	31,2	31,2	11,5	10,9	1,6	11,3	11,5	27,5	3,3	11,3	11,5	11,5	31,2	11,3	11,5	2,9	1,6	11,3	10,9	11,5	1,6
28	3,3	2,9	2,9	3,3	12,4	2,9	2,9	3,3	1,6	11,5	2,9	12,4	1,6	10,9	2,9	3,3	1,6	27,5	27,5	3,3	1,6	13,1	27,5	33,4